TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đỗ Tứ Hải**.
2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Lưỡng** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1991 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 10/6/2019).

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn L**, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Bình Phụng, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2019 trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn L do quen biết rồi về chung sống với nhau vào năm 2013, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/10/2013.

Trong thời gian chung sống thì vợ chồng anh chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của chị, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cự cải, tính tình không hợp. Chị và anh L đã không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Quốc T, sinh ngày: 25/8/2010 hiện nay cháu T đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Văn L vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/5/2019 trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Võ Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị H do tự tìm hiểu quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 14/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau ngày cưới anh và chị H sống bên gia đình anh được 06 năm sau đó vợ chồng anh về bên gia đình chị H sống. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh lúc đầu anh điện thoại hỏi thăm thì chị H còn nghe điện thoại thời gian sau không hiểu vì lý do gì tự ý chị H yêu cầu ly hôn với anh. Anh và chị H không còn chung sống với nhau khoảng một năm nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý mà anh yêu cầu được đoàn tụ do anh còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Quốc T, sinh ngày: 25/8/2010 hiện nay cháu T đang sống chung với chị H. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh đồng ý giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Võ Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Võ Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn với anh Võ Văn L.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có nên anh L, chị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Anh L và chị H đồng ý sau khi ly hôn cháu Võ Quốc Thải, sinh ngày 25/8/2010 sẽ do chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

Về án phí: Buộc chị H nộp 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 07/01/2019, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn đã nộp: Biên bản lấy lời khai của đương sự; Giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Võ Văn L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Võ Văn L vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Võ Văn L.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn L do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm vào ngày 14/10/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị H trình bày thì thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H và anh L thường hay cự cải, tính tình không hợp. Chị và anh L đã không còn sống chung từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, chị H không còn tình cảm với anh L. Anh L trình bày anh và chị H phát sinh mâu thuẫn từ khi chị H đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh L, anh L không đồng ý mà anh L yêu cầu được đoàn tụ vì anh L còn thương vợ thương con. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì Tòa án có tiến hành hòa giải để động viên chị H và anh L quay về đoàn tụ với nhau nhưng cho đến nay chị H và anh L không đoàn tụ được, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H và anh L đã sống ly thân nhau trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ được, anh L vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung tên Võ Quốc T, sinh ngày: 25/8/2010. Hiện nay cháu T đang sống chung với anh chị H, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại bảng khai ý kiến ngày 23/5/2019 của cháu T thì cháu T có nguyện vọng sống với chị H. Và anh L cũng đồng ý giao cháu T cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Võ Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Võ Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Võ Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn L có 01 con chung tên Võ Quốc T, sinh ngày: 25/8/2010. Giao cháu Võ Quốc T cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Văn L không phải

cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Võ Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Võ Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0009736, ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.